TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 29/8/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Vinh

Bà Lò Thị Ánh Ngọc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thi Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên;

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2025/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* "; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị H; sinh năm: 1996;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản Lé, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là bản Lé, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên);

- Bị đơn: Anh Bùi Văn L; sinh năm: 1992;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Thanh Sơn, xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Thôn Thanh Sơn, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên).

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh Bùi Văn L lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên) vào ngày 14/4/2016, chúng tôi kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ cH chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ sau ngày cưới đến tháng 5/2020 sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ cH không hợp, quan điểm sống bất đồng, chị H và anh L không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 8/2020, tôi

xác định tình cảm vợ cH không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Văn L để chị H còn sớm ổn định cuộc sống nuôi con.

2. Về con chung: Vợ cH chị H và anh L có 03 con chung, cháu thứ nhất là cháu Bùi Hoàng B N, sinh ngày 18/11/2016, cháu thứ hai là Bùi Hoàng B K, sinh ngày 10/8/2018, cháu thứ 3 Bùi Hoàng H Ph, sinh ngày 09/6/2020. Ly hôn chị H xin là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/8/2025 chị H xin nuôi cháu Nhi còn cháu Ph và cháu Khang để anh L nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

* *Về tài sản:* Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị Lò Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2. Tại văn bản trình bày ý kiến Toà án nhận ngày 02/7/2025 của bị đơn anh Bùi Văn L trình bày*:**

* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh L và chị Lò Thị H lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Noong Luống, huyện Điện Biên vào ngày 14/4/2016 (nay là xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên). Hôn nhân của chúng tôi hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ cH bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung với nhau. Đến nay chúng tôi đã sống ly thân với nhau và không quan tâm đến nhau nữa. Nay cô H có đơn xin ly hôn tôi nhất trí ly hôn.

* *Về con chung*: Anh L và chị Lò Thị H có 03 người con chung, cháu thứ nhất là: Bùi Hoàng B N, sinh ngày 18/11/2016; cháu thứ hai Bùi Hoàng B K, sinh ngày 10/8/2018; cháu thứ ba Bùi Hoàng H Ph, sinh ngày 09/6/2020. Sau khi ly hôn anh L có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con Bùi Hoàng B K và Bùi Hoàng H Ph đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Và giao cháu Bùi Hoàng B N cho chị Lò Thị H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con đến khi thành niên và đủ khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản:* Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Anh Bùi Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lò Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn L và nuôi cháu Nhi, còn cháu Khang và cháu Ph để anh L nuôi con chung theo nội dung đơn chị xin xét xử vắng mặt gửi Toà án ngày 11/8/2025. Anh Bùi Văn L có

đơn xin xét xử vắng mặt, về hôn nhân anh L nhất trí ly hôn, về con chung anh nhất trí để chị H nuôi cháu Nhi, anh nuôi cháu Khang và cháu Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn L. Đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Anh L có địa chỉ tại thôn Thanh Sơn, xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là thôn Thanh Sơn, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên) nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

Nguyên đơn chị Lò Thị H và bị đơn anh Bùi Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hôn nhân:

[**2**]. Về nội dung yêu cầu của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân chị Lò Thị H và anh Bùi Văn L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên) vào ngày 14/4/2016; khi đăng ký kết hôn, chị H và anh L đều đã trên 18 tuổi nên xác định quan hệ hôn nhân của chị H và anh L là hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H cho rằng vợ cH chung sống hòa thuận hạnh phúc được mấy năm đầu sau đó do tính tình vợ cH không Vợ cH chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ sau ngày cưới đến tháng 5/2020 sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ cH không hợp, quan điểm sống bất đồng, chị H và anh L không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, chị H và anh L đã sống ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt chị H vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh L. Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Lò Thị H được chính quyền địa phương, nơi chị H – anh L sinh sống đã xác nhận: Chị H và anh L có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên) vào ngày 14/4/2016. Sau khi kết hôn, hai người cùng sống chung tại thôn Thanh Sơn, xã Noong Luống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay

là thôn Thanh Sơn, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên). Quá trình chung sống, vợ cH có xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ cH không hợp. Chị H và anh L đã sống lý thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Trong quá trình thụ lý Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ cho anh L được biết và đã triệu tập anh L nhiều lần đều vắng mặt nên các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức không hòa giải được. Xét thấy, là vợ cH lẽ ra anh L và chị H phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, phải có thái độ tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Tuy nhiên, chị H và anh L đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân dẫn đến các bên bất đồng quan điểm sống, vợ cH đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn nên có cơ sở xác định cuộc hôn nhân giữa chị H và anh L không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đến ngày 02/7/2025 anh L có văn bản gửi Toà án, anh nhất trí ly hôn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị H đối với anh Bùi Văn L theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét về con chung:

Quá trình chung sống, giữa chị H và anh L có có 03 người con chung là: Bùi Hoàng B N, sinh ngày 18/11/2016; Bùi Hoàng B K, sinh ngày 10/8/2018 và Bùi Hoàng H Ph, sinh ngày 09/6/2020. Chị H có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Bùi Hoàng B N cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cho anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung Bùi Hoàng B K và Bùi Hoàng H Ph đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Tại bản tự khai anh L cũng nhất trí để chị H nuôi cháu Nhi, anh L xin nuôi cháu Khang và cháu Ph. Do vậy HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H và anh L, giao con chung là cháu Bùi Hoàng B N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao hai cháu Bùi Hoàng B K và Bùi Hoàng H Ph cho anh L trực tiếp nuôi dững đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh L đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.3] Xét về tài sản và công nợ: Chị H và anh L đều khai và công nhận không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy HĐXX không có căn cứ giải quyết trong vụ án.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo thông báo số 263 ngày 02/6/2025 (mã thông báo: 1A5Q7E0BJE) chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 5, 8, 9, Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị H với anh Bùi Văn L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là Bùi Hoàng B N, sinh ngày 18/11/2016 cho chị Lò Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

2.2. Giao con chung là Bùi Hoàng B K, sinh ngày 10/8/2018 và Bùi Hoàng H Ph, sinh ngày 09/6/2020 cho anh Bùi Văn L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh L không yêu cầu Toà án giải quyết

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000327 ngày 11/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Chị H đã nộp án phí DSST phí dân sự sơ thẩm án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo thông báo số 263 ngày 02/6/2025 (mã thông báo: 1A5Q7E0BJE) chị H đã nộp đủ án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lò Thị H và anh Bùi Văn L (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yêu theo quy định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV2 - ĐB;
- UBND xã Thanh Yên, tỉnh ĐB (nơi Đ.ký kết hôn);
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Thi hành án DS tỉnh Điện Biên;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương Huyền